

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 128/UBCK-GP
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP.HCM.
- Số điện thoại: (08) 38 218 666
- Số fax: (08) 38 218 713
- Website: www.dag.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh số 12/GPHĐKD ngày 20/05/2003.

Vốn điều lệ ban đầu của DAS là 21 tỷ đồng, do Ngân hàng TMCP Đông Á sở hữu 100% vốn.

Ngày 05/10/2006, DAS tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000059 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh.

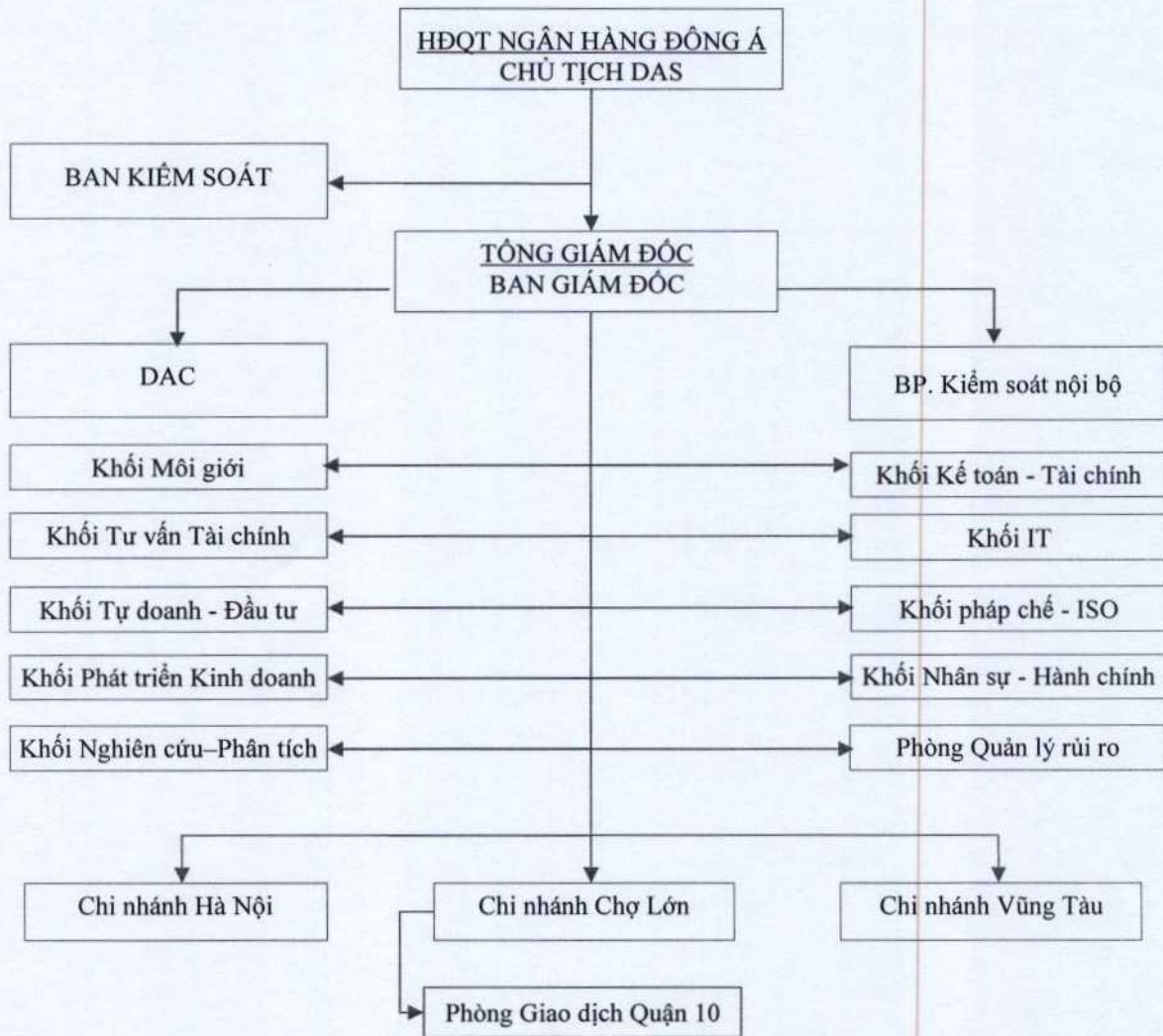
Ngày 12/05/2008, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, theo Giấy phép số 128/UBCK-GP.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy phép số 128/UBCK-GP, DAS được phép thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- ❖ Môi giới chứng khoán và Lưu ký chứng khoán
- ❖ Tự doanh chứng khoán
- ❖ Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- ❖ Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

Trong năm 2013, DAS sẽ tập trung phát triển hoạt động kinh doanh theo các định hướng:

- Tiếp tục tập trung vào các hoạt động doanh thu dịch vụ có mức độ rủi ro thấp hoặc rủi ro có thể kiểm soát được. Hạn chế các hoạt động mang tính rủi ro cao.
- Phát triển doanh thu từ các hoạt động liên quan đến môi giới và hỗ trợ môi giới.
- Tiếp tục đẩy mạnh doanh thu từ các hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư và hoạt động lưu ký quản lý sổ cổ đông.

6. Các rủi ro

Cùng với khó khăn của nền kinh tế, thị trường chứng khoán trong năm 2012 cũng không thoát khỏi xu hướng chung này. Trong năm này, nhiều công ty chứng khoán đã rời bỏ thị trường và số khác đã cắt giảm nghiệp vụ môi giới. Trong lĩnh vực chứng khoán,

DAS nhận thấy các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty bao gồm:

– Rủi ro thị trường:

Trong năm 2012, thị trường chứng khoán biến động khá phức tạp đã làm ảnh hưởng mạnh đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán. Trong những tháng đầu năm, thị trường tăng trưởng khá tốt, VN Index đã tăng từ mức 350 điểm lên vùng 490 điểm. Tuy nhiên, từ giữa tháng 5, thị trường biến động giảm khá mạnh, đưa VN-Index giảm về đến vùng 375 điểm tại thời điểm cuối năm.

Sự không ổn định của kinh tế vĩ mô đã tác động mạnh đến biến động của thị trường chứng khoán. Rủi ro từ biến động kinh tế mang tính hệ thống, tác động đến hầu như toàn bộ các công ty hoạt động trong ngành. Tuy nhiên, để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro, DAS đã rất chú trọng đến công tác phân tích, dự báo tình hình thị trường để có định hướng và chiến lược kinh doanh hợp lý trong từng bối cảnh khác nhau của nền kinh tế, chẳng hạn như: chiến lược về nguồn vốn, chiến lược đầu tư, chính sách margin,...

– Rủi ro hoạt động:

Do đặc thù ngành, các công ty chứng khoán có thể đối mặt với các rủi ro trong quá trình hoạt động, khi thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, cụ thể như rủi ro từ đạo đức nghề nghiệp của nhân viên. Dạng rủi ro này nếu không được kiểm soát hiệu quả có thể gây tổn thất cả về tài chính và uy tín đối với các công ty.

Để hạn chế các rủi ro này, DAS rất chú trọng và có sự đánh giá, chọn lọc rất kỹ lưỡng ngay từ khâu đầu vào. Ngoài ra, công ty cũng liên tục đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ của bộ phận chuyên trách quản trị rủi ro, đồng thời thiết lập những quy định phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận nhằm quản lý một cách chặt chẽ và hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của công ty.

– Rủi ro thanh toán:

Rủi ro thanh toán nổi lên như một trong những vấn đề được quan tâm nhất của các công ty chứng khoán trong năm 2012. Một số công ty chứng khoán xem nhẹ công tác quản trị rủi ro và lạm dụng tài khoản nhà đầu tư đã gây ra những trường hợp mất khả năng thanh toán, phải nhờ đến sự can thiệp của các cơ quan quản lý.

DAS tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản lý tài khoản nhà đầu tư và quy định về xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, ở góc độ hoạt động kinh doanh của công ty, DAS luôn kiểm soát nghiêm ngặt các nghiệp vụ liên quan, nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao nhất cho tài khoản của các nhà đầu tư, cũng như đảm bảo năng lực thanh toán của công ty đối với các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2012, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với tình trạng trì trệ. Các nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản đều phải đối mặt với các vấn đề về

tăng trưởng. Trong khi đó, các nền kinh tế của khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn chìm sâu trong việc giải quyết khủng hoảng nợ công.

Việt Nam cũng không thoát khỏi những ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế trên thế giới, bên cạnh việc phải đương đầu với nhiều khó khăn của tình hình kinh tế trong nước. Tuy nhiên, so với năm 2011, tình hình đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn, như: kiểm soát thành công lạm phát ở mức 6.81%, chỉ bằng 1/3 so với năm 2011; ổn định tỷ giá; điều chỉnh giảm mạnh lãi suất.

Kết thúc năm 2012, các chỉ số trên thị trường chứng khoán Việt Nam mặc dù đạt được mức tăng trưởng nhẹ, nhưng diễn biến lại vô cùng phức tạp; đồng thời giá trị giao dịch trên hai sàn sụt giảm, tác động trực tiếp đến doanh thu phí môi giới của các công ty chứng khoán. Do đó, kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán cũng bị ảnh hưởng và không mấy khả quan trong năm 2012, với hơn một nửa trong tổng số các công ty chứng khoán báo cáo lỗ.

Trong tình thế khó khăn như trên, thị trường vẫn chứng kiến nhiều công ty chứng khoán, trong đó có DAS, đã không ngừng nỗ lực, tập trung hết sức vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện vị thế cạnh tranh và qua đó cũng đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ.

▪ **Hoạt động Môi giới:**

Trong năm 2012, DAS tập trung nhiều vào việc phát triển hoạt động môi giới, thông qua việc phát triển đội ngũ nhân sự, cải tiến quy trình nghiệp vụ, nâng cấp, phát triển sản phẩm, dịch vụ,... Việc nâng cao năng lực trong hoạt động môi giới đã giúp DAS phát triển, mở rộng hệ thống khách hàng mới trong năm 2012, đặc biệt là khách hàng tổ chức, các quỹ đầu tư. Với những cố gắng không ngừng của tập thể cán bộ nhân viên, DAS đã đạt được những kết quả đáng khích lệ trong mảng hoạt động môi giới trong năm 2012 như sau:

- Thông qua cơ chế kinh doanh linh hoạt và hiệu quả, DAS đã phát triển nhanh chóng đội ngũ chuyên viên môi giới có năng lực và trình độ cao.
- DAS đã ký nhiều hợp đồng với các tổ chức trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, cùng nhiều khách hàng lớn là các cổ đông lớn của các công ty niêm yết.
- DAS đã ký hợp đồng chuyển giao khách hàng từ CTCK Âu Việt, với hơn 1.000 tài khoản giao dịch của khách hàng.
- Doanh thu phí môi giới năm 2012 tăng mạnh so với năm 2011.

Ngoài ra, DAS cũng liên tục phát triển tính năng của hệ thống giao dịch dành cho khách hàng như: DongA Pro, DongA Online, DongA Mobizstock, DongA PriceBoard; kết hợp với các chính sách linh hoạt và các chương khuyến khích giao dịch,... đã thu hút mạnh doanh số giao dịch của khách hàng.

▪ **Hoạt động Đầu tư tự doanh:**

Các chỉ số VN-Index và HNX-Index trong năm 2012 diễn biến khá khó lường, tăng mạnh vào đầu năm, sau đó giảm đi đến gần hết năm, và lại có đợt hồi phục mạnh vào cuối năm. Bên cạnh đó, thị trường giao dịch của cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) vẫn tiếp tục trong tình trạng gần như bị đóng băng. Trạng thái thị trường như trên khiến cho hầu hết các công ty chứng khoán gặp khó khăn và thua lỗ trong

hoạt động tự doanh. DAS cũng đã kịp thời thoái vốn ở những khoản đầu tư không sinh lợi và cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng phù hợp hơn.

▪ **Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư:**

Phân tích là một khâu quan trọng trong việc đưa ra các quyết định đầu tư. Vì thế, DAS tập trung khá mạnh vào việc phát triển hoạt động phân tích. Các hoạt động phân tích hướng đến các mục tiêu như: đánh giá cơ hội đầu tư và tư vấn đầu tư cho khách hàng. Ngoài các bài báo cáo phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính – ngân hàng, thị trường vàng, tổng quan thị trường chứng khoán, các sản phẩm phân tích còn tập trung phân tích sâu vào các ngành nghề tiềm năng, có nhiều triển vọng như: Ngân hàng, chứng khoán, khai khoáng, cao su, bất động sản,... Đồng thời, các bộ phận nghiệp vụ cũng tích cực tiếp xúc, gặp gỡ và trao đổi sâu về tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tiềm năng để cung cấp những báo cáo có giá trị tư vấn cho khách hàng.

Trong năm 2012, hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư còn tạo thêm sức hấp dẫn và sự lan tỏa khi thường xuyên và liên tục hợp tác với những cơ quan thông tấn báo chí chuyên ngành như Báo Đầu tư Chứng khoán, Kênh truyền hình Tài chính chứng khoán FBNC,...

▪ **Hoạt động Tư vấn tài chính – Ngân hàng đầu tư:**

Với thế mạnh của một tập đoàn tài chính năng động bao gồm Ngân hàng – Chứng khoán – Quản lý quỹ – Bất động sản,... cùng với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, có kiến thức sâu rộng; hệ thống mạng lưới khách hàng và đối tác rộng lớn; hướng đến các phương pháp tiếp cận khoa học, hiện đại, phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quốc tế, trong năm 2012, DAS tiếp tục phát huy vị thế của công ty dẫn đầu trong nghiệp vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng Đầu tư.

Chiến lược xuyên suốt trong năm 2012 của DAS vẫn là đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, phù hợp với thị trường Việt Nam như: bảo lãnh phát hành, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn tài chính, M&A,... Cụ thể:

- DAS đã ký kết và triển khai hợp đồng tư vấn M&A với Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận, Công ty Giày An Giang, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái,...
- Hoàn thành việc tư vấn thoái vốn của SCIC tại 20 công ty cổ phần trong khu vực Đông và Tây Nam Bộ.
- Tư vấn huy động vốn và phát hành ra công chứng thành công cho một số công ty, điển hình như: Công ty cổ phần Mía đường 333, Công ty cổ phần Tập đoàn Quốc tế FBA.
- Triển khai thực hiện tư vấn tái cấu trúc, tư vấn quản trị một số công ty, điển hình như: Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty CP Vận tải Ô tô số 1 thuộc Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn –TNHH MTV (SAMCO).
- Đang thực hiện tư vấn cổ phần hóa và IPO cho một số công ty, điển hình như: Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải

(TRACODI), Công ty TNHH MTV Cấp nước Khánh Hòa, Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Hội An,...

Bên cạnh đó, DAS cũng chú trọng khâu tuyển dụng và đào tạo thêm nhân sự, chuyên môn hóa tới từng con người. Khuyến khích nhân viên tự đào tạo, tự bổ sung các kiến thức chuyên ngành, hoặc thông qua các chương trình đào tạo chứng chỉ uy tín quốc tế như: CFA, CIA, ACCA, CPA,...

Cuối năm 2012, DAS cũng đạt được một thành tựu rất đáng ghi nhận khi là công ty chứng khoán duy nhất tiếp tục được Bộ Tài chính cấp phép thực hiện nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa trong năm 2013. Với bước tiến này, DAS tiếp tục khẳng định vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp nói riêng và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư nói chung trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

▪ **Hoạt động Lưu ký chứng khoán và Quản lý sổ cổ đông:**

DAS hiện đang là một trong những công ty chứng khoán có uy tín hàng đầu trong nghiệp vụ quản lý sổ cổ đông. Trong năm 2012, khối Lưu ký & Quản lý sổ cổ đông của DAS đã hoàn thành tốt các mục tiêu đã đề ra, đồng thời thực hiện tốt các nghiệp vụ: lưu ký cổ phiếu, đăng ký quyền mua cổ phiếu, thanh toán bù trừ chứng khoán, cập nhật thông tin đến nhà đầu tư,... một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả, góp phần tích cực vào việc duy trì hoạt động an toàn và thông suốt trong hệ thống giao dịch chứng khoán của DAS.

Với dịch vụ Quản lý sổ cổ đông online, các cổ đông cá nhân, tổ chức, tổ chức phát hành có thể theo dõi số lượng cổ phần và danh sách cổ đông trực tuyến một cách thuận lợi, nhanh chóng và bảo mật thông tin.

Với dịch vụ chuyên nghiệp và công nghệ hiện đại, năm 2012 DAS đã mở rộng thêm nhiều đối tượng khách hàng trong nghiệp vụ quản lý sổ cổ đông, đặc biệt như Ngân hàng Sài Gòn Công Thương, góp phần tăng tổng số lượng cổ đông của DAS đang quản lý lên gần 47.000 cổ đông, tương ứng tổng giá trị vốn của các tổ chức phát hành mà DAS đang Quản lý là hơn 11 nghìn tỷ đồng.

Ngoài ra, bộ phận Lưu ký kết hợp với các bộ phận nghiệp vụ khác như: Môi giới, kế toán,... cung cấp những tiện ích tốt nhất cho khách hàng như: cho phép nhà đầu tư đăng ký bán cổ phiếu lô lẻ trực tuyến, xem sao kê tài khoản, thông tin thực hiện quyền,... thông qua nhiều kênh giao dịch khác nhau.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

❖ **Ông Bùi Việt – Tổng Giám đốc**

Từ năm 2002 đến nay:

- Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á
- Thành viên HĐQT CTCP Bến xe Miền Tây
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Bến Thành

- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Nhà Bè
- Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn
- Phó Chủ tịch HĐQT CTCP In và Thương mại Vina
- Ủy viên Ban chấp hành Hiệp hội kinh doanh Chứng khoán Việt Nam
- Ủy viên Một số Hội đồng khoa học về Tài chính và Chứng khoán của T.P Hồ Chí Minh
- Giảng viên Trung tâm Đào tạo Chứng khoán Việt Nam

Từ năm 2000 đến năm 2002: Trưởng bộ phận Quản lý danh mục đầu tư vào Việt Nam – Lào – Campuchia, Tập đoàn Tài chính Quốc tế IFC, thuộc Ngân hàng Thế giới (WB).

Từ năm 1999 đến năm 2000: Trưởng bộ phận Hợp tác kinh doanh với các định chế tài chính, Ngân hàng Citibank tại Việt Nam.

Từ năm 1988 đến năm 1994: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện tử Sài Gòn.

❖ **Bà Trương Nguyễn Thiên Kim – Giám đốc Tài chính doanh nghiệp**

Từ năm 2007 đến nay:

- Giám đốc Tài chính doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Bến Thành
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Gia Định
- Trưởng BKS CTCP In và Thương mại Vina

Từ năm 2007 đến năm 2012: Trưởng BKS Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Từ năm 2006 đến nay:

- Thành viên BKS CTCP Bến xe miền Tây
- Thành viên BKS CTCP Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn - Chợ Lớn

Từ năm 2004 đến năm 2007: Trưởng khối Dự án - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2003 đến năm 2004: Phụ trách kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2000 đến năm 2003: Chuyên viên kế toán - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Đại diện giao dịch Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Từ năm 1998 đến năm 2000: Kế toán - Công ty May Xuất Nhập khẩu Chợ Lớn

Từ năm 1997 đến năm 1998: Nhân viên Nghiên cứu thị trường – Công ty BDT & Associates Market Research

Từ năm 1996 đến năm 1997: Nhân viên Kiểm soát Chất lượng, Phòng vấn viên - Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học kinh tế Cesais-Trường Đại học Kinh tế T.P Hồ Chí Minh.

❖ **Bà Lê Thị Thu Trang – Kế toán trưởng**

Từ tháng 09 năm 2005 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

Từ năm 2004 đến năm 2005: Phụ trách Kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2002 đến 2004: Kế toán trưởng Công ty Thiết bị điện Seco

Từ năm 2001 đến năm 2002: Kế toán tổng hợp - Công ty Thiết bị điện HASA

Từ năm 2000 đến năm 2001: Giảng viên Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Doanh nghiệp ngoài quốc doanh – Chi nhánh Đà Nẵng

❖ **Ông Nguyễn Ngọc Tươi – Giám đốc Kinh doanh**

Từ tháng 09 năm 2012 đến nay: Giám đốc Kinh doanh Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2010 đến năm 2012: Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Phương Đông

Từ năm 2008 đến năm 2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty chứng khoán Kim Eng

Từ năm 2006 đến năm 2008: Tổng Giám đốc Công ty chứng khoán Đà Nẵng

Từ năm 2004 đến năm 2006: Trưởng Bộ phận kinh doanh – Quỹ đầu tư Indochina

❖ **Ông Phạm Anh Tú – Giám đốc Tư vấn đầu tư**

Từ tháng 03 năm 2013: Giám đốc Tư vấn đầu tư Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2012 đến năm 2013: Phó Giám đốc Tư vấn đầu tư - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2010 đến năm 2012: Trưởng nhóm Tư vấn đầu tư - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2007 đến năm 2010: Chuyên viên nghiệp vụ Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2006 đến năm 2007: Trưởng phòng bán hàng dự án - Công ty Ford Việt Nam

Từ năm 2004 đến năm 2006: Chuyên viên Marketing – Công ty Samsung Việt Nam

❖ **Bà Trần Thụy Kim Ly – Phó Giám đốc Phát triển Môi giới**

Từ năm 2012 đến nay: Phó Giám đốc Phát triển Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2010 đến năm 2012: Trưởng nhóm Phát triển Dịch vụ khách hàng - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên chính bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2007 đến năm 2009: Chuyên viên bộ phận Môi Công ty - Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhân viên nghiệp vụ bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2005 đến năm 2006: Nhân viên bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2004 đến năm 2005: Thư ký tại Công ty TNHH MV Liên Minh

❖ **Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Phó Giám đốc Dịch vụ khách hàng**

Từ năm 2012 đến nay: Phó Giám đốc Dịch vụ khách hàng - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2010 đến năm 2012: Trưởng nhóm Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên chính bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2008 đến năm 2009: Chuyên viên bộ phận Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2007 đến năm 2008: Chuyên viên bộ phận Kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2005 đến năm 2007: Nhân viên nghiệp vụ bộ phận Kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Từ năm 2004 đến năm 2005: Thư ký kế toán tại Sheraton Hotels & Tower

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Trần Ngọc Vinh – Chức vụ Giám đốc Phát triển Dịch vụ khách hàng nghỉ việc từ ngày 01/02/2013.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 114 người (năm 2011 là 109 người).

Để thực hiện định hướng phát triển bền vững, DAS luôn khuyến khích và hỗ trợ CBNV trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin thường xuyên liên tục để phục vụ tốt nhất cho công việc. Các nhân viên nghiệp vụ đều được trang bị đầy đủ kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và đã được UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để phát huy kỹ năng giao tiếp, tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề cho CBNV.

Song song với công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, Công ty cũng rất chú trọng việc phổ biến các giá trị cốt lõi của DongA Bank kết hợp với các đặc trưng văn hóa của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á (DAC): là công ty thành viên, DAS sở hữu 100% vốn.

- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- Tình hình kinh doanh năm 2012 của DAC:
 - Doanh thu: 4,29 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế: (7,47) tỷ đồng
 - Lợi nhuận sau thuế: (7,47) tỷ đồng
 - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu: (174) %
 - Tỷ suất lợi nhuận trên vốn: (24,9) %.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	723,518,864,996	660,943,063,211	-9%
Doanh thu thuần	104,517,928,411	146,514,567,018	40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5,111,144,491	(33,604,420,475)	-757%
Lợi nhuận khác		33,812,980	-
Lợi nhuận trước thuế	5,111,144,491	(33,570,607,495)	-757%
Lợi nhuận sau thuế	5,111,144,491	(33,570,607,495)	-757%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	4.31	2.92	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	4.31	2.92	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.26	0.25	

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.36	0.33	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	179	565	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.14	0.22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.89%	-22.91%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.96%	-6.77%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.71%	-5.08%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4.89%	-22.94%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) do Ngân hàng TMCP Đông Á sở hữu 100% vốn.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn thách thức đối với nền kinh tế trong nước như: tình trạng hàng tồn kho tăng cao, lãi suất cho vay ở mức các doanh nghiệp khó có thể tiếp cận, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng ở mức cao, tình hình công nợ của các doanh nghiệp vẫn chưa có hướng giải quyết, dẫn đến việc nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn và trên bờ vực phá sản.

Với thực trạng của nền kinh tế như trên và những bất ổn của kinh tế vĩ mô tiếp tục bộc lộ, cùng với tình hình khủng hoảng nợ công tại Châu Âu lún sâu vào vòng luẩn quẩn trong việc dàn xếp các gói cứu trợ, đã làm cho thị trường chứng khoán không còn đủ sức níu chân dòng tiền ở lại. Các chỉ số chứng khoán đều suy giảm trong khi thanh khoản hầu như không cải thiện.

Trong một năm nhiều khó khăn như 2012, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) đã tập trung hết sức vào việc nâng cao vị thế cạnh tranh thông qua việc đẩy mạnh đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự và tăng cường hoạt động kiểm soát rủi ro.

Cụ thể trong năm qua, DAS tiếp tục phát triển hệ thống giao dịch hiện đại, ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất với nhiều công cụ, tiện ích hỗ trợ các nhà đầu tư giao dịch như DongA Online, DongA Pro, DongA SMS, DongA Mobile,... Bên cạnh đó, hệ thống kết nối giữa tài khoản giao dịch chứng khoán của DAS với tài khoản tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư tại Ngân hàng Đông Á được vận hành thuận lợi và an toàn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư giao dịch một cách hiệu quả.

Trong năm qua, DAS đã đẩy mạnh hoạt động xây dựng hình ảnh thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, như tăng cường sự hiện diện trên các website và báo in hàng đầu về chứng khoán, quảng bá hình ảnh trên các kênh truyền hình.

Với những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ lãnh đạo và đội ngũ nhân viên công ty, trong năm 2012, DAS liên tục duy trì vị trí top 10 các công ty chứng khoán dẫn đầu thị phần môi giới trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, và top 12 thị phần môi giới trên toàn thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh thị trường sụt giảm nghiêm trọng trong năm 2012, nhiều công ty chứng khoán phải thu hẹp hoạt động, cắt giảm nhân sự, rút bớt nghiệp vụ, DAS cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tích cực thu hút lượng khách hàng từ các công ty chứng khoán khác, cụ thể như Công ty chứng khoán Âu Việt, Công ty Chứng khoán Nam An đã chuyển toàn bộ khách hàng môi giới về cho DAS.

Cuối năm 2012, DAS cũng đạt được một thành tựu rất đáng ghi nhận khi là công ty chứng khoán duy nhất tiếp tục được Bộ Tài chính cấp phép thực hiện nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa trong năm 2013. Với bước tiến này, DAS tiếp tục khẳng định vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp nói riêng và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư nói chung trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Song song với công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, công ty rất chú trọng việc phổ biến các giá trị cốt lõi của Ngân hàng mẹ đồng thời kết hợp với các đặc trưng văn hóa của Công ty. Những buổi hội thảo, tọa đàm luôn được duy trì định kỳ, liên tục, nhằm giúp cho cán bộ nhân viên cảm nhận được sâu sắc hơn các đặc trưng văn hóa của công ty, thông qua đó, mọi người có thể hòa nhập tốt hơn trong môi trường làm việc của công ty, cùng hướng đến một mục tiêu chung là xây dựng công ty trở thành một tổ chức tài chính lớn mạnh trong ngành chứng khoán.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2012 của DAS đạt gần 661 tỷ, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm hơn 73% với giá trị hơn 482 tỷ đồng.

Tổng tài sản trong năm 2012 giảm 8.65% so với cùng kỳ năm 2011, từ 724 tỷ đồng xuống còn 661 tỷ đồng. Trong đó, tài sản dài hạn tăng từ 118 tỷ đồng lên 179 tỷ đồng. Trong khi tài sản ngắn hạn lại giảm từ 606 tỷ đồng xuống 482 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 20%. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản phải thu ngắn hạn giảm đáng kể hơn 51% xuống còn 165 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2012.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Kết thúc năm 2012, Nợ phải trả của DAS còn 165 tỷ đồng, giảm hơn 13% so với năm 2011, chiếm khoản 25% tổng nguồn vốn. Khoản mục nợ dài hạn bằng Trái phiếu cũng đã được tất toán trong năm 2012.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mặc dù đạt được những kết quả đáng khích lệ, nhưng trong năm 2013, nền kinh tế trong nước vẫn phải tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Tuy nhiên, trong thông điệp được phát đi vào đầu năm mới của Thủ tướng Chính phủ, chúng ta có thể thấy rõ quyết tâm của Chính phủ trong việc đưa ra những giải pháp xử lý các khó khăn, tháo gỡ các vướng mắc để thúc đẩy nền kinh tế có những bước tiến vững chắc hơn trong năm

2013, bên cạnh các giải pháp mang tính căn cơ, dài hạn như tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu mô hình tăng trưởng,...

Sự quyết tâm của Chính phủ được thể hiện rõ ràng hơn thông qua một loạt các hoạt động trong thời gian gần đây trong việc đưa ra các giải pháp xử lý nút thắt trên thị trường bất động sản là nợ xấu và hàng tồn kho.

Có thể thấy, với các động thái mạnh mẽ và quyết liệt như trên, nút thắt được xác định đang làm tắc nghẽn luồng vốn chảy vào nền kinh tế sẽ sớm được tháo gỡ. Luồng vốn được khơi thông được xem như một trong những yếu tố quyết định đến sự khởi sắc trở lại của nền kinh tế trong thời điểm hiện tại.

Với những định hướng chính sách mang tính thúc đẩy nền kinh tế phát triển được Chính phủ đưa ra một cách mạnh mẽ và rõ ràng, chúng ta có cơ sở để tin rằng, nền kinh tế đang có những bước đầu khởi sắc trong năm mới 2013.

Với bối cảnh tình hình vĩ mô trong năm 2013, DAS sẽ tập trung phát triển hoạt động kinh doanh theo các định hướng:

- Tiếp tục tập trung vào các hoạt động doanh thu dịch vụ có mức độ rủi ro thấp hoặc rủi ro có thể kiểm soát được. Hạn chế các hoạt động mang tính rủi ro cao.
- Phát triển doanh thu từ các hoạt động liên quan đến môi giới và hỗ trợ môi giới.
- Tiếp tục đẩy mạnh doanh thu từ các hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư và hoạt động lưu ký quản lý sổ cổ đông.

IV. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

TÀI SẢN	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	482,191,812,498	605,944,710,201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	122,175,265,062	95,080,313,688
1. Tiền	122,175,265,062	28,980,313,688
2. Các khoản tương đương tiền		66,100,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	193,566,557,188	170,418,611,301
1. Đầu tư ngắn hạn	205,439,980,492	181,539,927,744
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(11,873,423,304)	(11,121,316,443)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	164,843,834,156	338,248,982,133
1. Phải thu của khách hàng	3,602,343,506	394,638,075
2. Trả trước cho người bán	373,232,600	1,471,451,800
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	90,205,953,991	33,171,664,000
4. Các khoản phải thu khác	70,662,304,059	303,211,228,258
IV. Hàng tồn kho	259,360,312	583,670,388
V. Tài sản ngắn hạn khác	1,346,795,780	1,613,132,691
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	458,730,223	646,492,275
2. Thuế GTGT được khấu trừ	27,389	18,150,525
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	460,438,229	446,223,452
4. Tài sản ngắn hạn khác	427,599,939	502,266,439
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	178,751,250,713	117,574,154,795
I. Tài sản cố định	7,144,305,141	7,436,782,001
1. Tài sản cố định hữu hình	2,896,927,898	4,258,490,234
- Nguyên giá	21,270,511,916	20,363,271,734
- Giá trị hao mòn lũy kế	(18,373,584,018)	(16,104,781,500)
2. Tài sản cố định vô hình	4,247,377,243	3,178,291,767
- Nguyên giá	14,936,898,479	11,286,898,479
- Giá trị hao mòn lũy kế	(10,689,521,236)	(8,108,606,712)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	165,125,307,324	104,212,799,250
1. Đầu tư vào công ty con	30,000,000,000	30,000,000,000
2. Đầu tư chứng khoán dài hạn	77,359,525,756	1,046,577,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	77,359,525,756	1,046,577,000
3. Đầu tư dài hạn khác	57,765,781,568	73,166,222,250
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		
III. Tài sản dài hạn khác	6,481,638,248	5,924,573,544
1. Chi phí trả trước dài hạn	778,427,764	1,081,266,256
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5,228,984,234	4,248,231,268
3. Tài sản dài hạn khác	474,226,250	595,076,020
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	660,943,063,211	723,518,864,996

NGUỒN VỐN	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	164,907,399,839	190,483,150,212
I. Nợ ngắn hạn	164,907,399,839	140,483,150,212
1. Vay và nợ ngắn hạn	27,006,358,778	39,872,494,490
2. Phải trả người bán	7,873,537,037	175,435,215

NGUỒN VỐN	31/12/2012	31/12/2011
3. Người mua trả tiền trước	2,184,362,000	2,290,862,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	870,981,674	971,411,568
5. Phải trả người lao động	68,961,684	1,272,500,001
6. Chi phí phải trả	7,180,000	1,043,390,000
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	72,095,960,890	84,932,303,178
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2,831,899,342	2,507,422,281
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	781,400,263	1,909,265,283
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	51,186,758,171	5,508,066,196
II. Nợ dài hạn		50,000,000,000
1. Trái phiếu		50,000,000,000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	496,035,663,372	533,035,714,784
I - Vốn chủ sở hữu	496,035,663,372	533,035,714,784
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500,000,000,000	500,000,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	3,139,071,388	3,139,071,388
3. Quỹ dự phòng tài chính	8,902,712,768	8,902,712,768
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17,569,125,535	17,676,325,535
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(33,575,246,319)	3,317,605,093
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	660,943,063,211	723,518,864,996

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
1. Doanh thu	146,514,567,018	104,517,928,411
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	39,452,316,570	21,752,958,436
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	64,652,822,437	27,482,363,538
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	260,000,000	16,050,192,000
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	34,328,890	65,465,895
Doanh thu hoạt động tư vấn	20,964,850,000	3,346,713,391
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1,253,615,193	1,149,189,601
Doanh thu khác	19,896,633,928	34,671,045,550
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	146,514,567,018	104,517,928,411
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	174,105,422,398	95,906,386,927
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	(27,590,855,380)	8,611,541,484
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,013,565,095	3,500,396,993
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(33,604,420,475)	5,111,144,491
8. Thu nhập khác	33,812,980	
9. Chi phí khác		
10. Lợi nhuận khác	33,812,980	
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	(33,570,607,495)	5,111,144,491

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(33,570,607,495)	5,111,144,491

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	310,301,873,121	184,277,675,247
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	(183,172,317,415)	(169,058,811,486)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	(600,755,635)	(1,824,966,229)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	130,735,185,660	103,061,018,686
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	(130,410,708,599)	(107,049,364,293)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	200,000,000,000	-
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	(200,000,000,000)	-
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(7,651,611,710)	(672,703,607)
9. Tiền chi trả cho người lao động	(19,971,883,650)	(16,714,152,664)
10. Tiền chi trả lãi vay	(14,782,811,244)	(15,099,036,042)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(14,214,777)	(2,132,162,414)
12. Tiền thu khác	74,283,979,695	26,617,609,067
13. Tiền chi khác	(1,121,103,184)	(2,175,462,453)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>157,595,632,262</i>	<i>(770,356,188)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		-
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(4,896,468,249)	(3,092,327,459)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ		-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(183,847,118,678)	(74,453,790,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125,678,226,114	90,356,226,918
5. Tiền thu cổ tức và trái tức	4,059,776,080	4,960,916,678
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>(59,005,584,733)</i>	<i>17,771,026,137</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		-
1. Nhận vốn góp của chủ sở hữu		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	124,892,121,829	140,559,750,084
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(189,374,273,675)	(132,687,255,594)
5. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(3,322,243,917)	(19,255,931,410)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>(67,804,395,763)</i>	<i>(11,383,436,920)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	30,785,651,766	5,617,233,029
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	21,284,540,083	15,667,307,054
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	52,070,191,849	21,284,540,083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Đặc điểm hoạt động của công ty

- 1 - Hình thức sở hữu vốn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- 2 - Lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Lưu ký chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư, Tư vấn tài chính, Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- 3 - Tổng số nhân viên và người lao động: 114 người
- 4 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 - Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm)
- 2 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- 1 - Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính.
- 2 - Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
- 3 - Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- 2- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu vô hình, thuê tài chính):

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Ghi nhận theo nguyên giá. Trong Bảng Cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính: Ghi nhận theo nguyên giá thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

+ Phương pháp khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

- 3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con;
 - Các khoản vốn góp liên doanh;
 - Các khoản đầu tư chứng khoán: Ghi nhận theo giá gốc
 - Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Ghi nhận theo giá gốc
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:
- 4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác
- Chi phí trả trước: được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh
 - Chi phí khác:
 - Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phương pháp đường thẳng
- 5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.
- 6- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.
- 7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại

10- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán

01. Tiền và tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền mặt	19,559,328	181,753,714
- Tiền gửi ngân hàng	95,479,081,522	94,797,436,400
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	9,568,657	2,476,733
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	26,667,055,555	98,646,841
Cộng	122,175,265,062	95,080,313,688

02. Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	259,360,312	583,670,388
- Công cụ, dụng cụ		
Cộng	259,360,312	583,670,388

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác (nếu có):

03. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa công ty chứng khoán	58,014,425	683,748,598,900
- Cổ phiếu	58,014,425	683,748,598,900

- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
b) Cửa nhà đầu tư	1,543,993,027	16,906,649,177,100
- Cổ phiếu	1,542,680,107	16,897,779,036,100
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác	1,312,920	8,870,141,000
Tổng cộng	1,602,007,452	17,590,397,776,000

04. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
I. Chứng khoán thương mại	16,730,722	205,439,980,492				
II. Chứng khoán đầu tư	4,376,337	77,359,525,756				
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	4,376,337	77,359,525,756				
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-				
III. Đầu tư góp vốn		30,000,000,000				
- Đầu tư vào công ty con	-	30,000,000,000				
- Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-				
IV. Đầu tư tài chính khác	2,229,022	57,765,781,568				

05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	1,146,907,000	1,431,648,988	4,893,201,405	12,371,713,009	519,801,332	20,363,271,734
- Mua trong kỳ	247,014,000		29,378,182	516,280,300	133,767,700	926,440,182
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác	19,200,000					19,200,000
Số dư cuối kỳ	1,374,721,000	1,431,648,988	4,922,579,587	12,887,993,309	653,569,032	21,270,511,916
Giá trị hao mòn lũy kế						-
Số dư đầu năm	939,811,000	666,028,903	4,028,025,872	10,214,879,318	256,036,407	16,104,781,500
- Khấu hao trong kỳ	232,926,000	236,844,000	552,954,472	1,082,277,686	163,800,360	2,268,802,518
- Tăng khác						-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	1,172,737,000	902,872,903	4,580,980,344	11,297,157,004	419,836,767	18,373,584,018
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						-
- Tại ngày đầu năm	207,096,000	765,620,085	865,175,533	2,156,833,691	263,764,925	4,258,490,234
- Tại ngày cuối kỳ	201,984,000	528,776,085	341,599,243	1,590,836,305	233,732,265	2,896,927,898

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm				4,819,676,719	6,467,221,760	11,286,898,479
- Mua trong kỳ				3,565,000,000	185,000,000	3,750,000,000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						-
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác				100,000,000		100,000,000
Số dư cuối kỳ				8,284,676,719	6,652,221,760	14,936,898,479
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm				2,737,174,411	5,371,432,301	8,108,606,712
- Khấu hao trong kỳ				1,635,056,065	945,858,459	1,233,495,895
- Tăng khác				-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán				-	-	-
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ				4,372,230,476	6,317,290,760	10,689,521,236
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình						
- Tại ngày đầu năm				2,082,502,308	1,095,789,459	3,178,291,767
- Tại ngày cuối kỳ				3,912,446,243	334,931,000	4,247,377,243

	Cuối kỳ	Đầu năm
07. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	-
- Chi phí trả trước về hoạt động kinh doanh chứng khoán	778,427,764	1,081,266,256
Cộng	778,427,764	1,081,266,256
08. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	74,157,442	249,148,835
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	796,824,232	722,262,733
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại Thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và Các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	870,981,674	971,411,568
09. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản Thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ Các khoản chênh lệch tạm thời chịu Thuế	-	-
- Khoản hoàn nhập Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ Các năm trước	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
- Tiền nộp bổ sung	4,404,194,573	3,803,438,938
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	704,789,661	324,792,330
Tổng cộng	5,228,984,234	4,248,231,268

11. Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	394,638,075			6,018,990,176	2,811,284,745	3,602,343,506			
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	33,171,664,000			1,259,157,050,264	1,202,122,760,273	90,205,953,991			
- Phải thu về hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư và giao dịch ký quỹ	28,426,414,000			1,061,997,061,460	1,030,944,616,469	59,478,858,991			
- Phải thu khách hàng về bán chứng khoán chưa niêm yết	4,745,250,000			197,159,988,804	171,178,143,804	30,727,095,000			
3. Thuế GTGT được khấu trừ	18,150,525			939,316,053	957,439,189	27,389			
4. Phải thu nội bộ	-			4,254,374,540,409	4,254,374,540,409	-			
5. Phải thu khác	303,211,228,258			1,367,911,949,891	1,600,460,874,090	70,662,304,059			

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<i>Phải thu từ các hoạt động đầu tư</i>	296,002,665,516			1,148,539,114,054	1,375,193,279,570	69,348,500,000			
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	7,208,562,742			219,372,835,837	225,267,594,520	1,313,804,059			
Tổng cộng	336,795,680,858			6,888,401,846,793	7,060,726,898,706	164,470,628,945			

Trong đó:

- Số phải thu bằng ngoại tệ (quy ra USD):

- Lý do tranh chấp, mất khả năng thanh toán:

12. Chi phí phải trả:

- Trích trước chi phí tiền lương kinh doanh bổ sung

- Trích trước chi phí tiền điện

Cộng

Cuối kỳ

Đầu năm

3,180,000

-

4,000,000

-

7,180,000

-

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	141,774,900	60,007,470
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	106,932,000	102,647,750
- Bảo hiểm thất nghiệp	7,504,000	8,013,000
- Doanh thu chưa thực hiện	61,363,637	-
- Hợp tác kinh doanh	49,838,556,510	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,030,627,124	5,337,397,976
Cộng	51,186,758,171	5,508,066,196

14. Phải trả dài hạn nội bộ:

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng	-	-

15. Vay và nợ dài hạn:

	Cuối kỳ	Đầu năm
a - Vay dài hạn	-	-
- Vay ngân hàng	0	0
- Vay đối tượng khác	27,006,358,778	39,872,494,490
- Trái phiếu phát hành	0	50,000,000,000
b - Nợ dài hạn	-	-
- Thuê tài chính	-	-
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	-	-

- Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm						
Trên 5 năm						

16. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
A	1	2	3	4
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500,000,000,000	-	-	500,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	3,139,071,388			3,139,071,388
8. Quỹ dự phòng tài chính	8,902,712,768		-	8,902,712,768
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	17,676,325,535	-	107,200,000	17,569,125,535
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3,317,605,093	0	36,892,851,412	-33,575,246,319
Tổng cộng	533,035,714,784	0	37,000,051,412	496,035,663,372

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ này	Kỳ trước
1- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	0	0
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí Thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	0
2- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ Các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Việc mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính;	-	-
- Việc chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.	-	-

2. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	-
- Các khoản khác	-	-

VIII- Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan:

2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

3- Những thông tin khác.

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
TỔNG GIÁM ĐỐC



BUI VIỆT